

Phân tích cách lên ý tưởng
& chống bí ý khi phát triển bài

Xử lý khó khăn paraphrasing
& từ vựng theo topics

Chăm điểm chi tiết của
Cụm Giám khảo IELTS

IELTS INSIGHTS

VOLUME 17

DECEMBER 2024
ielts1984.vn/ielts-insights

Thực hiện bởi
IELTS 1984

GIẢI ĐỀ IELTS

Topic: **WORK - LIFE BALANCE**



**MOST PEOPLE PREFER
A WORKLESS LIFE**

Agree or disagree?

**MAKING FRIENDS AT WORK
OR OUTSIDE WORK**

Which one is better?

**HARD WORK & DETERMINATION
EQUAL SUCCESS**

Agree or disagree?

December

Cào mừng bạn đến Tạp chí IELTS Insights 12/2024. Không chỉ là bài mẫu, đây là tạp chí đầu tiên giải đề thi thật hàng tháng chi tiết từng bước, được biên soạn bởi đội ngũ học thuật của trung tâm IELTS 1984. Hiện chúng mình đã phát hành nhiều số tạp chí trước, để đọc thêm nhiều bài giải đề chi tiết, bạn có thể tải tại website IELTS 1984: <https://ielts1984.vn/ielts-insights/>

IELTS Insights - Giúp hiểu kì thi IELTS một cách bản chất

Cộng đồng học IELTS có vô vàn bài mẫu, tài liệu giải đề thi miễn phí, tuy nhiên để chọn lọc được tài liệu chất lượng và phù hợp thì không hề dễ dàng. Vì vậy, lý do IELTS 1984 cho ra đời tạp chí IELTS Insights là mang đến người học một góc nhìn bản chất, đơn giản và cực kì dễ hiểu về kì thi IELTS. Với phần đông học sinh, các bạn thường đặt mục tiêu quanh mức 6.0-7.0, và đây là một mục tiêu hoàn toàn khả thi với phần lớn các bạn, nếu mình học đúng phương pháp và thực sự quyết tâm. Chúng mình rất mong muốn IELTS Insights sẽ là người bạn hữu ích, luôn đồng hành cùng mọi người trên hành trình này.

Một điểm khác biệt nổi bật của IELTS Insights

mà đội ngũ IELTS 1984 hướng đến, là **sự chi tiết và toàn diện** trong việc phân tích đề thi thực tế hàng tháng. Với mỗi số tạp chí phát hành, chúng mình sẽ đi sâu vào việc giải các đề thi IELTS vừa mới diễn ra trong tháng trước đó, giải thích chi tiết về cách cách lên idea, cách phát triển ý, gom data cho từng body, paraphrasing.

Sau đó, chúng mình sẽ cùng viết một bài sample dựa trên insights cụ thể đã phân tích. Hơn nữa, một số bài cũng sẽ được gửi cho cựu giám khảo IELTS chấm, và chúng mình để ở phía cuối tạp chí nha. Chúng mình luôn nỗ lực để có thể phát triển tạp chí IELTS Insights ngày càng tốt hơn.

Đây là dự án cộng đồng hoàn toàn miễn phí của IELTS 1984, nếu bạn thấy tạp chí hữu ích, hãy giúp chúng mình giới thiệu với bạn bè cùng học IELTS nhé. Nếu bạn có bất cứ ý kiến đóng góp nào, hãy nhắn tin vào tài khoản Zalo OA của IELTS 1984 nha:

<https://zalo.me/ielts1984>



MỤC LỤC

(Bấm ô tròn để đến trang)

04

IELTS 1984 Sharing

05

Bản tin

06

Task 1

02/11/2024

Dạng: **Line Graph**

09

Task 1

09/11/2024

Dạng: **Table**

13

Task 2

02/11/2024

Topic: **Work**

16

Task 2

03/11/2024

Topic: **Relationship**

19

Task 2

23/11/2024

Topic: **Work**

22

Humans of IELTS Insights

23

Comment chi tiết của Cựu Giám Khảo

Giáo viên

ngoài dạy ra thì làm gì?

Ở IELTS 1984, team giáo viên không chỉ đi dạy và chấm bài, chúng mình còn làm rất nhiều projects về academic cùng nhau nữa.

Việc team giáo viên làm nhiều project cùng nhau xuất phát từ văn hoá của tổ chức, chúng mình tin là giáo viên không chỉ nên tối đến check-in lịch vào dạy, tối dạy xong check-out ra về. Chúng mình mong muốn xây dựng văn hoá là giáo viên cũng join vào đội nhóm chứ không phải là 'solo teachers', các bạn cũng sẽ liên tục làm hợp tác với nhau để học cách teamwork, học cách xử lý mâu thuẫn khi làm việc cùng nhau, và thay phiên nhau làm PIC (*person in charge*) để tập luyện khả năng dẫn dắt đội nhóm.

Về phía người học, do vừa đi dạy vừa làm project academic nên team giáo viên sẽ soạn chương trình tốt hơn nhiều - đúng với nhu cầu học sinh, hay như việc R&D ứng dụng AI cũng sát với nhu cầu người học hơn.

Về mặt giáo viên, mặt tốt của văn hoá này là các bạn giáo viên phù hợp sẽ cảm thấy siêu gắn bó, mọi người cảm giác có cảm giác đồng đội mỗi ngày đi làm. Tuy nhiên, mặt trái siêu to khổng lồ của chúng mình là ... khó tuyển dụng, vì vừa đòi hỏi giáo viên làm full-time, vừa dạy một chương trình giống nhau, và vừa làm các projects về học thuật thay vì chỉ thuần dạy.



Trong hình là anh Khoa đang quay video học liệu cho các khóa học ở Tám Bốn và các anh chị đang "căng não" thảo luận về tạp chí IELTS Insights số mới. Anh chị liên tục sản xuất thật nhiều nội dung bổ ích, còn mình cùng chăm chỉ học cho mau giỏi nhen.

Bảng vàng truyền cảm hứng

Thành quả ngọt ngào của bạn Bích Ngọc



Bích Ngọc và chị giáo Linh tại IELTS 1984.

“Mình bám sát “Logical Framework” của trung tâm (nó là cái khung sườn cho bài viết á), thầy cô luôn dặn tụi mình cái này không phải là cách duy nhất, cũng không phải là cách hay nhất, nhưng nó giúp mình định hình được mình phải viết cái gì, lập luận như thế nào trong phòng thi dưới áp lực thời gian.

Mình cũng tải tạp chí IELTS INSIGHTS về đọc để → làm bài → quay lại xem hướng dẫn giải mẫu → đọc bài mẫu → đọc bài sửa của cựu giám khảo kèm theo → sửa lại bài mình chỗ nào chưa ứng sau khi tham khảo bài band 8.0+...

Mình quyết định chờ học xong tầm 3 tuần là thi và có điểm, đính kèm hình cho uy tín. Vậy mà ai biết đầu hôm đi thi sóng gió quá, tới độ mình về mề nheo với thầy cô, thầy cô cũng không biết nói gì hơn ngoài bảo mình hy vọng, và mình cũng không dám hy vọng gì. Và boom! Điểm như ảnh (8.5 hihi)!”

Bạn xem thêm bài chia sẻ kinh nghiệm của Ngọc tại: <https://ielts1984.vn/review>

Lịch khai giảng 01/2025 của IELTS 1984

LỊCH KHAI GIẢNG THÁNG 01, 2025

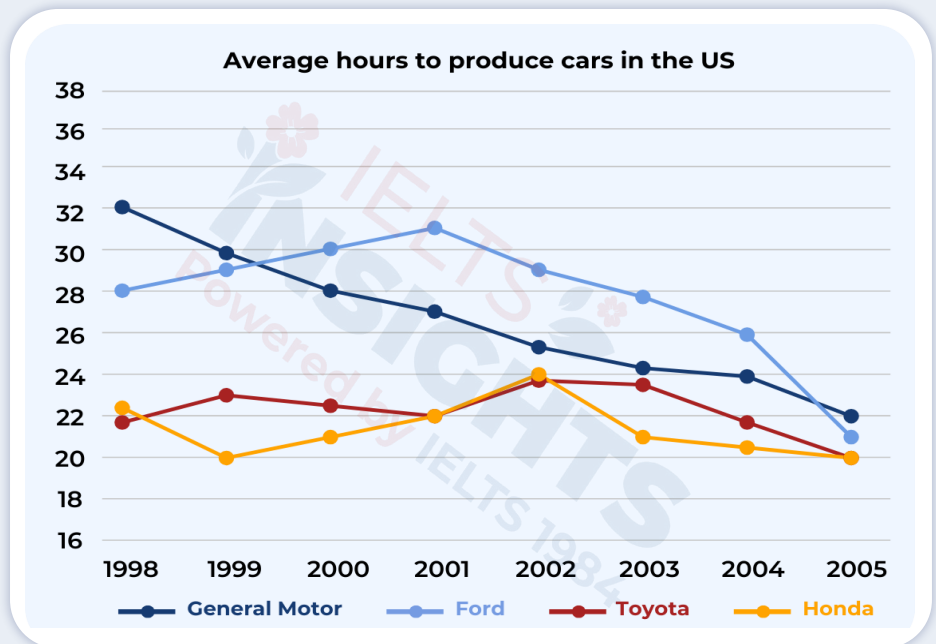
	Thời lượng	Khai giảng	Lịch học	Mã lớp	
OFFLINE	ROOT (Pre-IELTS)	9 Tuần -54h	23/12 06/01	Tối 2-4-6 (20:00 - 22:00) Tối 2-4-6 (20:00 - 22:00)	RT 12.24 OF G RT 01.25 OF A
	TRUNK (IELTS Foundation)	9 Tuần -54h	31/12 13/01 13/01	Chiều 3-5-7 (17:45 - 19:45) Chiều 2-4-6 (17:45 - 19:45) Tối 2-4-6 (20:00 - 22:00)	TR 12.24 OF K TR 01.25 OF C TR 01.25 OF D
	BUD (Đầu ra 6.0)	9 Tuần -54h	23/12 31/12 13/01	Tối 2-4-6 (20:00 - 22:00) Tối 3-5-7 (20:00 - 22:00) Chiều 2-4-6 (17:45 - 19:45)	BU 12.24 OF G BU 12.24 OF K BU 01.25 OF C
	BLOOM (Đầu ra 6.5/7.0+) **	10 Tuần -60h	14/01	Tối 3-5-7 (20:00 - 22:00)	BL 01.25 OF C
ONLINE	ROOT (Pre-IELTS)	9 Tuần -54h	23/12 07/01 13/01	Chiều 2-4-6 (17:45 - 19:45) Chiều 3-5-7 (17:45 - 19:45) Tối 2-4-6 (20:00 - 22:00)	RT 12.24 ON G RT 01.25 ON A RT 01.25 ON C
	TRUNK (IELTS Foundation)	9 Tuần -54h	07/01 06/01 13/01	Tối 3-5-7 (20:00 - 22:00) Chiều 2-4-6 (17:45 - 19:45) Tối 2-4-6 (20:00 - 22:00)	TR 01.25 ON A TR 01.25 ON B TR 01.25 ON C
	BUD (Đầu ra 6.0)	9 Tuần -54h	13/01 14/01	Chiều 2-4-6 (17:45 - 19:45) Tối 3-5-7 (20:00 - 22:00)	BU 01.25 ON D BU 01.25 ON D
	BLOOM (Đầu ra 6.5/7.0+) **	10 Tuần -60h	07/01 13/01	Tối 3-5-7 (20:00 - 22:00) Chiều 2-4-6 (17:45 - 19:45)	BL 01.25 ON A BL 01.25 ON C

LIÊN HỆ

- Ưu đãi:** Đăng ký nhóm 2 người cùng đợt **giảm 200.000/người**
- Lớp học quy mô siêu nhỏ (10 - 14 bạn), giáo viên chăm bài và theo sát quá trình học của mỗi bạn, không bỏ sót bất cứ bạn nào trong lớp.
- Hoàn ngay 90% học phí đã đóng trong vòng 2 buổi đầu nếu không hài lòng - Học lại miễn phí theo chính sách!
- Kỹ năng Speaking có trợ giảng hỗ trợ quá trình luyện tập tại lớp, các bạn sẽ được luyện tập nhiều và có thêm bài tập ghi âm ở nhà được chấm chi tiết.
- Nền tảng công nghệ tư học giao diện giống thi thật, hướng dẫn đáp án chi tiết.
- Tặng khóa học Reading và Listening aim 7.0+ trị giá 2.200.000đ của YouPass.

The graph below shows the average time spent by four car manufacturers to produce vehicles at their US factories.

Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant



DISCUSSION

1 IDEA CHO OVERVIEW: Khi viết overview cho số liệu có thay đổi qua thời gian, **team academic IELTS 1984** chúng mình sẽ tập trung vào trend (xu hướng) và differences (sự khác biệt):

- **Trend:** Tất cả nhà sản xuất ô tô đều có sự cải thiện về thời gian sản xuất, trong đó **General Motors** có sự cải thiện rõ rệt nhất.

- **Differences:** **Honda** có thời gian sản xuất nhanh nhất cho hầu hết các năm.

2 CÁCH PHÂN BODY: Với bar chart này, chúng mình sẽ phân body theo nhà sản xuất, 1 đoạn cho các nhà sản xuất Mỹ và 1 đoạn cho các nhà sản xuất còn lại:

- **Body 1:** Tả số liệu và thay đổi của **General Motors** và **Ford**.

- **Body 2:** Tả số liệu và thay đổi của **Honda** và **Toyota**.

3 CÁCH VIẾT TỪNG CÂU:

- **BODY 1:** General Motors và Ford

- ▶ **Câu 1:** Tả số liệu của **General Motors** mất nhiều thời gian sản xuất hơn **Ford** vào 1998.

- ▶ **Câu 2:** Thời gian sản xuất của **General Motors** giảm đều còn 22 tiếng qua các năm.

- ▶ **Câu 3:** Trong khi đó thời gian sản xuất của **Ford** tăng lên đạt đỉnh là 31 tiếng vào năm 2001, sau đó giảm 1 khoảng là 1 phần 3 xuống còn 21 tiếng vào 2005.

- **BODY 2:** Honda và Toyota

- ▶ **Câu 1:** Vào năm 1998, **Toyota** và **Honda** đều mất khoảng 22 tiếng để sản xuất xe.

- ▶ **Câu 2:** Thời gian sản xuất của **Toyota** có sự dao động trong khoảng 22 đến 24 tiếng, sau đó giảm mạnh còn 20 tiếng vào năm 2005.

- ▶ **Câu 3:** Việc sản xuất của **Honda** trở nên chậm hơn và tăng lên đạt đỉnh là 24 tiếng vào 2002, sau đó giảm còn khoảng 20 tiếng vào năm 2005.

4 PARAPHRASING: Trong bài này, thời gian sản xuất xe (**hours to produce cars**) sẽ được dùng nhiều lần, nên mình sẽ có một vài cách để paraphrase cụm này:

- ▶ **took ... hours to produce a car**
- ▶ **production time** hoặc **(fast) production lines**
- ▶ **required ... hours per vehicle**



Luyện viết bài này để được YouPass Writing AI chấm chữa miễn phí

TẠI ĐÂY

Lưu ý: Bạn viết trên laptop hoặc máy tính cá nhân nhé.

YouPass Writing AI hiện chưa hỗ trợ viết trên điện thoại.

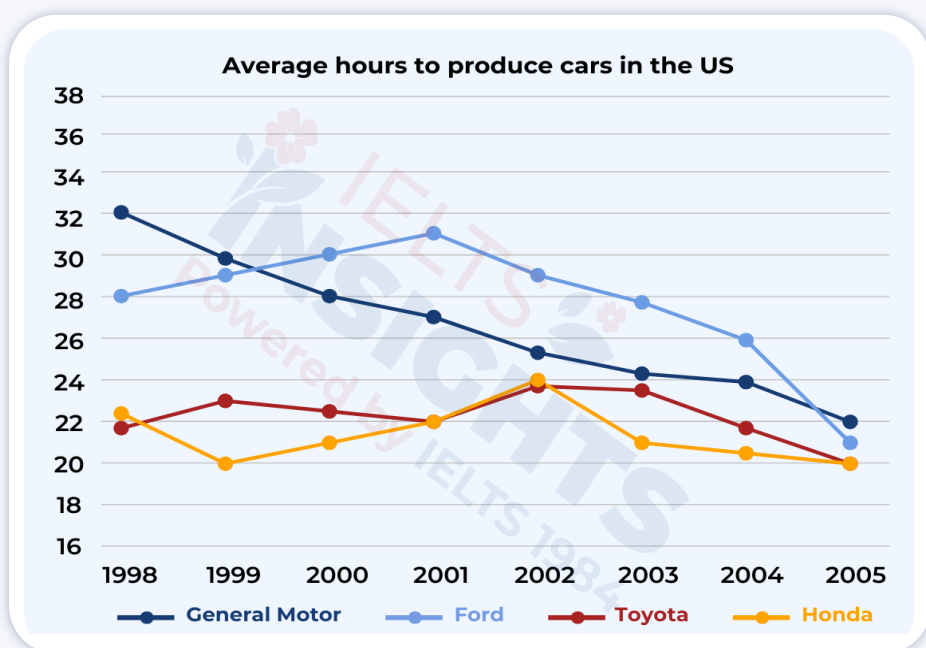
Join group Zalo giải đáp học thuật về IELTS
của team IELTS 1984 & YouPass



CLICK ĐỂ THAM GIA GROUP ZALO

The graph below shows the average time spent by four car manufacturers to produce vehicles at their US factories.

Summarize the information by selecting and reporting the main features and make comparisons where relevant



SAMPLE

viết bởi chị giáo Nguyễn Vương Hân (IELTS 8.5)

Word Count: 211 words

Paraphrasing | Vocabulary

The line graph illustrates the average time required to manufacture automobiles at US factories by four major car companies over an 8-year period from 1998 to 2005.

Overall, all manufacturers produced cars more quickly over the period, with General Motors showing the most notable improvement in its **production time**. Honda had the fastest **production lines** for most of the period.

Regarding the two American manufacturers, in 1998, it **took GM 32 hours to produce a car**, about 4 hours more than Ford. The former company then saw a steady decline in its production time, ultimately falling to 22 hours over the period. Meanwhile, the number of hours to make Fords peaked at 31 hours in 2001, before falling by a third to only 21 hours at the end of the timeframe.

As for the remaining companies, in 1998, both Toyota and Honda **required approximately 22 hours per vehicle**. Thereafter, Toyota's production time showed fluctuations between 22 and 24 hours, followed by a significant decrease in the last 2 years, ending up at just 20 hours in 2005. Likewise, despite a drop of 2 hours in 1999, Honda's production slowed to reach a high of 24 hours per car in 2002, before falling back to 20 hours over the final three years.



Quay về Mục Lục

The table below gives information on the salaries of secondary teachers in five countries in 2009.

Summarize the information by selecting and reporting the main points and make comparisons where relevant.

The table below gives information on the salaries of secondary teachers in five countries in 2009

Country	Salary per year (US \$)			Years taken to Reach Top Salary
	Starting	After 15 Years	Maximum	
Australia	34,600	48,000	48,000	9
Denmark	47,000	54,000	54,000	8
Luxembourg	80,000	112,000	139,000	30
Korea	30,500	52,600	84,500	37
Japan	28,000	49,000	62,400	34

DISCUSSION

1 IDEA CHO OVERVIEW: Đây là dạng table khá đặc biệt, vì có 2 nhóm thông tin khác nhau: (1) **salary per year**, với 3 cột thông tin về mức lương, và (2) **số năm** để đạt được mức lương cao nhất. Vậy nên, **team academic IELTS 1984** chúng mình sẽ viết 2 câu, mỗi câu tả từng khía cạnh:

- Giáo viên các nước đều được tăng lương sau 15 năm, và giáo viên ở Luxembourg luôn nhận được mức lương cao nhất với khoảng cách chênh lệch rất lớn (so với các nước còn lại).
- Giáo viên ở Denmark tăng lương nhanh nhất, còn giáo viên Korea chậm nhất.

2 CÁCH PHÂN BODY: Với table này, chúng mình sẽ phân body theo các nước:

- **BODY 1:** Tả số liệu và so sánh các nước mất ít thời gian nhất để đạt top salary (**Denmark và Australia**).
- **Body 2:** Tả số liệu và so sánh các nước còn lại (**Luxembourg, Korea và Japan**).

CÁCH VIẾT TỪNG CÂU:

- **BODY 1:** Denmark và Australia
 - ▶ **Câu 1:** Tả số liệu về **mức lương khởi điểm** của giáo viên ở Denmark, **hơi cao hơn** so với mức lương của giáo viên ở Australia.
 - ▶ **Câu 2:** Tả số liệu về **thời gian để giáo viên ở hai nước đạt mức lương tối đa** (đều ít hơn 1 thập kỷ).
- **BODY 2:** Luxembourg, Korea, và Japan
 - ▶ **Câu 1:** Tả số liệu về **mức lương khởi điểm** của giáo viên ở ba nước còn lại: Luxembourg cao nhất, Korea và Japan thấp nhất.
 - ▶ **Câu 2:** Tả sự **thay đổi về mức lương** của giáo viên ở Luxembourg sau 15 năm công tác, kèm thêm số liệu về **số năm để họ đạt được mức lương tối đa**.
 - ▶ **Câu 3:** Tương tự với Korea và Japan.

4 Paraphrasing: Trong bài này, chúng ta sẽ cần paraphrase các cụm từ sau nhiều lần:

► **Liên quan đến lương:**

- the annual compensation of sb
- receive/ earn salaries
- be paid a total of + [số tiền]

► **Liên quan việc đạt top salary:**

- receive the maximum level of + [số tiền]
- reach the peak earnings of + [số tiền]
- receive the peak salary of [số tiền]



Luyện viết bài này để được YouPass
Writing AI chấm chữa miễn phí

[TẠI ĐÂY](#)

Lưu ý: Bạn viết trên laptop hoặc máy tính cá nhân nhé.
YouPass Writing AI hiện chưa hỗ trợ viết trên điện thoại.

Join group Zalo giải đáp học thuật về IELTS
của team IELTS 1984 & YouPass



CLICK ĐỂ THAM GIA GROUP ZALO

The table below gives information on the salaries of secondary teachers in five countries in 2009.

Summarize the information by selecting and reporting the main points and make comparisons where relevant.

The table below gives information on the salaries of secondary teachers in five countries in 2009

Country	Salary per year (US \$)			Years taken to Reach Top Salary
	Starting	After 15 Years	Maximum	
Australia	34,600	48,000	48,000	9
Denmark	47,000	54,000	54,000	8
Luxembourg	80,000	112,000	139,000	30
Korea	30,500	52,600	84,500	37
Japan	28,000	49,000	62,400	34



SAMPLE
viết bởi anh giáo Nguyễn Công Đức (IELTS 8.0)

Word Count: 208 words
Paraphrasing | Vocabulary

The table compares **the annual compensation** of secondary school teachers in five countries in 2009, along with information about how many years it took for them to secure the highest rates.

Overall, teachers in all countries shown **received higher salaries** after 15 years, and those in Luxembourg consistently **earned the most** by far. In addition, Danish teachers reached the top salary the quickest, while their Korean counterparts took the longest to do so.

In Denmark, teachers **were paid a total of \$47,000** in their first year, moderately higher than their Australian counterparts' \$34,000. Notably, it took less than a decade for teachers to **receive the maximum levels** of \$54,000 in the former country and \$48,000 in the latter one.

Regarding the remaining countries, Luxembourg offered the highest initial salary for teachers, at \$80,000, while their Korean and Japanese counterparts were paid the least, earning approximately \$30,000. After 15 years of teaching, the salary of teachers in Luxembourg rose to \$112,000, requiring an additional 15 years to **reach the peak earnings** of \$139,000. Meanwhile, with 15 years of experience, Korean and Japanese teachers' pay nearly doubled, reaching the level of about \$50,000, and they needed around 35 years in total to **receive peak salaries** of \$84,500 and \$62,400, respectively.



Quay về Mục Lục

”

Cân bằng giữa công việc và cuộc sống
là một sự lựa chọn tùy vào
góc nhìn và định hướng của từng cá nhân.

- Chị giáo Hân chia sẻ



If people could choose between a life without working or a life spending too much time working, people would choose a life without work. To what extent do you agree or disagree?

DISCUSSION

1 IDEA VÀ CÁCH LẬP LUẬN: Với topic là: “Nếu được chọn giữa cuộc sống không đi làm và làm việc rất nhiều, nhiều người sẽ thiên về lựa chọn đầu tiên hơn.” → **Team academic IELTS 1984** đồng ý với quan điểm này và chúng mình lập luận như sau ở trong 2 đoạn body:

● **BODY 1:** Một số cá nhân lựa chọn làm việc chăm chỉ.

- ▶ **Lý do 1:** Bản năng cạnh tranh thúc đẩy con người làm nhiều để tích lũy của cải → chứng tỏ sự giàu có bằng lối sống xa hoa.
- ▶ **Lý do 2:** Đạt được sự hài lòng trong công việc và có mục đích trong cuộc sống → ví dụ như Elon Musk, người theo đuổi đam mê về khám phá vũ trụ và xe thân thiện với môi trường, dù đã có đủ tiền để sống thoải mái.

● **BODY 2:** Tuy nhiên, chúng mình nghĩ rằng phần lớn mọi người sẽ chọn cuộc sống không cần làm việc.

- ▶ **Lý do 1:** Làm việc quá nhiều hạn chế sự tự do cá nhân → do phải chạy deadline liên tục, cấp trên khắt khe và phải dành nửa ngày để làm việc → xu hướng phản kháng áp lực công việc thể hiện rõ qua làn sóng nghỉ hưu sớm và nhu cầu cân bằng công việc - cuộc sống.
- ▶ **Lý do 2:** Trong cuộc sống vẫn còn nhiều mục tiêu cá nhân → nhiều người xem đi làm như là công cụ kiếm tiền → nếu có đủ tài chính, họ sẵn sàng nghỉ hưu sớm để theo đuổi sở thích cá nhân → cuộc sống viên mãn hơn.

2 PHÁT TRIỂN Ý:

● **BODY 1:** Một số cá nhân lựa chọn làm việc chăm chỉ.

- ▶ **Câu 1 - Topic sentence:** Phải thừa nhận rằng, có thể hiểu được tại sao một số người coi trọng sự nghiệp thì chọn làm việc chăm chỉ.
- ▶ **Câu 2 - Lý do 1:** Bản tính cạnh tranh của con người (**competitive nature**) thúc đẩy họ làm việc nhiều hơn để tích lũy của cải (**accumulate wealth**), dù vượt xa nhu cầu thiết yếu của họ.
- ▶ **Câu 3 (Nguyên nhân):** Những cá nhân này thường muốn phô trương sự giàu có (**showcasing affluence**) qua lối sống xa hoa, chẳng hạn như sở hữu nhiều bất động sản hoặc sưu tập xe và đồng hồ cao cấp.
- ▶ **Câu 4 (Lý do 2):** Một số người xem công việc là con đường để đạt được sự hài lòng trong sự nghiệp (**professional satisfaction**) và tìm thấy mục đích sống (**a sense of purpose**).
- ▶ **Câu 5 (Ví dụ):** Một ví dụ điển hình là Elon Musk, một doanh nhân tiên phong (**pioneering**), vẫn tiếp tục theo đuổi đam mê cả đời về khám phá vũ trụ và xe thân thiện với môi trường, mặc dù đã sở hữu (**amassed**) khối tài sản đủ để nghỉ hưu thoải mái.

● **BODY 2:** Lý do chúng mình nghĩ đa số sẽ chọn không làm việc.

- ▶ **Câu 1 - Topic sentence:** Mình tin chắc rằng phần lớn mọi người sẽ chọn không đi làm nếu có cơ hội.
- ▶ **Câu 2 - Lý do 1:** Nhiều người xem làm việc nhiều giờ là sự hạn chế (**constraint**) đối với tự do cá nhân của họ, vì nó thường đi kèm với các deadline liên tục và cấp trên khắt khe, chưa kể đến việc phải dành phần lớn thời gian trong ngày để làm việc.
- ▶ **Câu 3 (Nguyên nhân):** Lựa chọn không đi làm được thể hiện rõ qua làn sóng (**rising movement**) nghỉ hưu sớm hoặc nhu cầu cân bằng công việc và cuộc sống trong giới trẻ ngày nay, với mục tiêu thoát khỏi những trách nhiệm nặng nề (**burdensome responsibilities**).
- ▶ **Câu 4 (Lý do 2):** Trong suốt cuộc đời, có rất nhiều cột mốc cá nhân (**personal milestones**) khác cần đạt được, trong khi công việc chỉ được xem là công cụ kiếm tiền để hiện thực hóa những khát vọng này.
- ▶ **Câu 5 (Ví dụ):** Với tài chính đủ vững chắc (**sufficient financial safety net**), những cá nhân này sẽ sẵn sàng nghỉ hưu sớm để có được sự linh hoạt và thời gian theo đuổi sở thích cá nhân (**pursue personal interests**) → mang lại cho họ những góc nhìn đa dạng hơn (**diverse perspectives**) và dẫn tới một cuộc sống viên mãn hơn (**fulfilling life**).

- ▶ **not having to work:** life free from onerous work obligations, work-free lifestyle, life without job-related responsibilities.
- ▶ **having to work too hard:** dedicate their time to making money, working very long hours, committing half of one's waking hours committed to work



Luyện viết bài này để được YouPass
Writing AI chấm chữa miễn phí

TẠI ĐÂY

Lưu ý: Bạn viết trên laptop hoặc máy tính cá nhân nhé.
YouPass Writing AI hiện chưa hỗ trợ viết trên điện thoại.

Join group Zalo giải đáp học thuật về IELTS
của team IELTS 1984 & YouPass



CLICK ĐỂ THAM GIA GROUP ZALO

3 PARAPHRASING: Trong bài này, chúng ta sẽ cần paraphrase các cụm từ sau nhiều lần:

If people could choose between a life without working or a life spending too much time working, people would choose a life without work. To what extent do you agree or disagree?



SAMPLE

viết bởi anh giáo Nguyễn Quang Huy (IELTS 8.0)

Word Count: 344 words

Paraphrasing | Vocabulary

Opinions are divided on whether people would, if given the choice, prefer **not having to work** to **having to work too hard**. While some may find fulfillment in dedication to their careers, I strongly believe that most individuals would prefer a **life free from onerous work obligations**.

Admittedly, it is understandable why some career-oriented individuals would choose to **dedicate their time to making money**. Most people's **competitive nature** drives them to work more to **accumulate wealth** as a goal in itself, far beyond their basic needs. These individuals tend to be motivated by the prospect of **showcasing their affluence** through luxurious lifestyles, such as owning multiple properties or collecting high-end cars and watches. Beyond that, some view careers as a pathway to achieve professional satisfaction and a sense of purpose in life. A notable example is Elon Musk, a pioneering entrepreneur who continues to pursue his lifelong passion for space exploration and sustainable transportation, despite having amassed enough wealth to retire comfortably.

On the other hand, I firmly believe that the majority of people would opt for a **work-free lifestyle** if given the chance. Many employed individuals consider **working very long hours** a constraint on their personal freedom, as it often comes with constant deadlines and demanding managers, not to mention **committing half of one's waking hours to work**. This is evident in the rising movement towards early retirement or achieving a better work-life balance among young professionals nowadays, with the aim of escaping such **burdensome** responsibilities. Furthermore, throughout one's lifetime, there are many other personal **milestones** to achieve, while work is merely seen as a means to provide financial resources to realize such aspirations. With a sufficient **financial safety net**, such individuals would readily retire early to gain more flexibility and time to pursue personal interests, which would provide them with diverse perspectives, leading to a more fulfilling life.

In conclusion, while dedicating oneself to career advancement could be a fulfilling path for some workaholics, I believe most individuals would prefer a **life without job-related responsibilities** and with greater freedom for personal pursuits.



Quay về Mục Lục

Some people think that a job provides not only an income but also a social life. Other people think that it is better to develop a social life with people you do not work with. Discuss both these views and give your own opinion. (Discuss both views)

DISCUSSION

1 IDEA VÀ CÁCH LẬP LUẬN: Với topic là: "Nên xây dựng mối quan hệ với đồng nghiệp hay nên kết bạn với những người ngoài công ty?"

→ **Team academic IELTS 1984** nghiêng về quan điểm nên **phát triển mối quan hệ trong môi trường công sở**, và chúng mình lập luận như sau ở trong 2 đoạn body:

● **BODY 1:** Một số người nói việc có bạn bè ngoài công ty có lợi.

- ▶ Thứ nhất, người đi làm có thể nhận **được hỗ trợ tinh thần** khi tâm sự với bạn bè ngoài chỗ làm → giúp đưa ra quyết định sáng suốt hơn.
- ▶ Tình bạn bên ngoài công ty thường **bền hơn**, vì thường không bị ảnh hưởng bởi các biến động trong công việc → đồng thời giúp tránh được xung đột giữa tình bạn và trách nhiệm công việc.

● **BODY 2:** Nhưng làm thân với đồng nghiệp có lợi nhiều hơn.

- ▶ Khi đồng nghiệp hiểu rõ điểm mạnh và điểm yếu của nhau → **làm việc hiệu quả hơn** → giảm thiểu tình trạng mắc lỗi, giúp tăng hiệu suất công việc.
- ▶ Mối quan hệ tốt giữa các đồng nghiệp góp phần tạo nên **môi trường làm việc lành mạnh** → nhân viên gắn bó với công ty lâu hơn → cống hiến nhiều hơn.

2 PHÁT TRIỂN Ý:

● **BODY 1:** Những lợi ích của việc có bạn bè không làm chung công ty.

▶ **Câu 1 (Topic sentence):** Một số người cho rằng việc duy trì tình bạn với những người ngoài công ty mang lại những lợi ích đáng kể.

▶ **Câu 2 (Lợi ích 1):** Khi tâm sự với (**confiding in**) bạn bè không làm việc chung, người ta thường nhận được những lời khuyên và sự hỗ trợ tinh thần quý giá (**valuable emotional support**) mà không phải lo ngại về xung đột lợi ích (**conflicts of interest**).

▶ **Câu 3 (Ví dụ):** Những người đang gặp khó khăn với cấp trên hoặc muốn đổi việc có thể nhận được những lời khuyên khách quan (**receive unbiased advice**), giúp họ đưa ra những quyết định sáng suốt (**make informed decisions**).

▶ **Câu 4 (Lợi ích 2):** Tình bạn ngoài công ty thường bền hơn (**more long-lasting**), vì nó không bị ảnh hưởng khi đổi việc.

▶ **Câu 5 (Tác động):** Việc này giúp tránh việc phải cân bằng giữa tình bạn và trách nhiệm trong công việc.

● **BODY 2:** Những lợi ích lớn hơn của việc làm thân với đồng nghiệp.

▶ **Câu 1 (Topic sentence):** Tuy nhiên, việc phát triển mối quan hệ với đồng nghiệp mang lại những giá trị to lớn hơn, đặc biệt trong việc nâng cao hiệu suất công việc và xây dựng môi trường làm việc tích cực.

- ▶ **Câu 2 (Lợi ích 1):** Mọi người có thể hiểu rõ hơn (**gain a deeper understanding**) về điểm mạnh và điểm yếu của đồng nghiệp, giúp làm việc nhóm hiệu quả và nhịp nhàng hơn (**more effective teamwork and smoother workflow**).
- ▶ **Câu 3 (Tác động):** Sự hiểu biết này sẽ giảm thời gian "thử và sai" (**trial and error**) và tăng hiệu suất làm việc.
- ▶ **Câu 4 (Lợi ích 2):** Những mối quan hệ tốt đẹp giữa đồng nghiệp góp phần tạo nên môi trường làm việc lành mạnh - yếu tố then chốt trong việc giữ chân nhân tài (**talent retention**).
- ▶ **Câu 5 (Lý do):** Bởi khi nhân viên cảm thấy gắn kết với đồng nghiệp, họ thường có xu hướng gắn bó lâu dài và sẵn sàng đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của tổ chức.

3 PARAPHRASING: Trong bài này, chúng ta sẽ cần paraphrase các cụm từ sau nhiều lần:

- ▶ **xây dựng mối quan hệ:** make friends, cultivate friendships, foster social connections, build friendships, establish friendships, foster workplace relationships.

4 VOCABULARY:

- ▶ **confide in sb:** tâm sự với ai đó (Lưu ý: từ này thường được dùng trong ngữ cảnh tâm sự hai người về những vấn đề cá nhân)
- ▶ **conflicts of interest:** xung đột lợi ích
- ▶ **unbiased advice:** lời khuyên khách quan
- ▶ **talent retention:** giữ chân nhân tài



Luyện viết bài này để được YouPass
Writing AI chấm chữa miễn phí

TẠI ĐÂY

Lưu ý: Bạn viết trên laptop hoặc máy tính cá nhân nhé.

YouPass Writing AI hiện chưa hỗ trợ viết trên điện thoại.

Join group Zalo giải đáp học thuật về IELTS
của team IELTS 1984 & YouPass



CLICK ĐỂ THAM GIA GROUP ZALO

Some people think that a job provides not only an income but also a social life. Other people think that it is better to develop a social life with people you do not work with. Discuss both these views and give your own opinion. (Discuss both views)

**SAMPLE**

viết bởi anh giáo Bùi Minh Tri (IELTS 8.5)

Word Count: 341 words

Paraphrasing | Vocabulary

Opinions are divided on whether people should **make friends** with their colleagues or **cultivate friendships** outside the workplace. Although maintaining distinct social circles outside of work may be advantageous, I contend that **fostering social connections** in the workplace is more beneficial.

Admittedly, proponents of **building friendships** outside of the workplace argue that this view has certain advantages. This is because **confiding in** friends who are not colleagues allows people to receive valuable emotional support without potential **conflicts of interest** or workplace complications. For example, someone struggling with a demanding superior or considering a career change can openly discuss their concerns and receive **unbiased advice**, which contributes to them making more informed decisions. Friendships developed outside of work also tend to be more long-lasting, because they are not affected by job changes or workplace tensions. This separation between professional and personal relationships allows individuals to maintain clear boundaries and avoid having to manage both friendship and work responsibilities with the same person.

However, I believe that there are more significant benefits to having a social life at work, pertaining to work efficiency and contributing to a positive work environment. Regarding the former, colleagues can gain a deeper understanding of each other's strengths and weaknesses due to the friendships they have made in the company, leading to more effective teamwork and smoother workflow. This mutual understanding results in a reduction in time spent on trial and error, thereby improving work productivity. Moreover, workplace friendships contribute to developing a positive company culture because when people establish genuine connections with their coworkers, it creates a friendly and healthy work environment, which is important in **talent retention**. Employees are more likely to continue working for an organization where they have meaningful relationships, which can help them maximize what they bring to the table.

In conclusion, while some people claim that individuals should **establish friendships** with non-coworkers, I am a proponent of the view that employees should **foster workplace relationships**, in order to improve work efficiency and embrace their role as a member of the company culture.



Quay về Mục Lục

Some people believe that with hard work and determination, people can gain success in life. To what extent do you agree or disagree?

DISCUSSION

1 IDEA VÀ CÁCH LẬP LUẬN: Với topic là: "Với sự chăm chỉ và quyết tâm, mọi người có thể đạt được thành công trong cuộc sống." → **Team academic IELTS 1984** cho rằng ngoài sự nỗ lực và quyết tâm của bản thân, **thành công của một người đòi hỏi phải có những yếu tố khác nữa.**

● **BODY 1:** Chúng mình nghĩ nỗ lực và quyết tâm là những yếu tố cần phải có để đạt được thành công nhất định.

- ▶ Vì khi một người nỗ lực đủ nhiều và quyết tâm đủ lớn thì họ mới có thể **vượt qua khó khăn, tích lũy được kiến thức và kỹ năng** trong lĩnh vực của họ. Như các vận động viên Olympic chẳng hạn, để có được thành tích cao và giành được huy chương, họ phải mất hàng giờ để luyện tập và phải nỗ lực rất lớn để duy trì kỷ luật bản thân. Nếu không nỗ lực và quyết tâm thì sẽ rất dễ bị tuột lại phía sau đối thủ.

● **BODY 2:** Ngày nay, ngoài nỗ lực cá nhân ra, còn những yếu tố khác dẫn đến thành công

- ▶ Yếu tố đầu tiên là **hoàn cảnh gia đình**. Một học sinh nghèo dù học giỏi và chăm chỉ đến mấy cũng khó có được những cơ hội học tập và việc làm tốt như các bạn sinh ra trong gia đình khá giả.
- ▶ Yếu tố tiếp theo là các **mối quan hệ xã hội**. Ví dụ, nhiều doanh nhân khởi nghiệp thành công không chỉ nhờ vào việc tập trung phát triển sản phẩm, mà còn nhờ tiếp cận được các nhà đầu tư...

và có được sự hướng dẫn từ những cố vấn giàu kinh nghiệm.

2 PHÁT TRIỂN Ý:

● **BODY 1:** Phải thừa nhận là nỗ lực có giúp con người đạt được thành công

- ▶ **Câu 1 (Topic sentence):** Sự quyết tâm và bền bỉ (**perseverance**) là những yếu tố cần có trên con đường đến thành công, vì khi một người liên tục nỗ lực và giữ vững quyết tâm trước những thách thức, họ sẽ tự nhiên phát triển được những kỹ năng và kinh nghiệm quý báu trong ngành nghề mình chọn.

- ▶ **Câu 2 (Ví dụ):** Việc tập luyện chuyên sâu (**intensive training**) trong thời gian dài giúp các vận động viên Olympic hoàn thiện kỹ thuật của họ, như việc nắm bắt cảm giác cơ thể và nhịp điệu tốt hơn, từ đó có thể thực hiện các động tác khó một cách chuẩn xác và ổn định.

- ▶ **Câu 3 (Giả định nếu không có quyết tâm):** Những người không duy trì được lịch tập luyện nghiêm ngặt (**rigorous training schedules**) thường không thể bắt kịp tốc độ, sức khỏe hoặc độ chính xác về kỹ thuật bằng đối thủ, dẫn đến thành tích kém (**poor performance**) trong các cuộc thi đấu.

● **BODY 2:** Để đạt được thành công cần thêm những yếu tố khác

- ▶ **Câu 1 (Topic sentence):** Tuy nhiên, thành công trong xã hội ngày càng phụ thuộc vào

nhiều yếu tố ngoài nỗ lực cá nhân.

- ▶ **Câu 2 (Yếu tố 1):** Một trong số đó là địa vị kinh tế - xã hội (**socioeconomic status**), yếu tố này có thể tác động đáng kể đến cơ hội và tiềm năng thành công của một người
- ▶ **Câu 2 (Ví dụ 1):** Ví dụ, một em học sinh giỏi nhưng xuất thân từ gia đình khó khăn (**from a disadvantaged background**), dù rất chăm học vẫn khó có được những cơ hội học tập và việc làm như các bạn sinh ra trong gia đình khá giả hơn (**from privileged circumstance**).
- ▶ **Câu 3 (Yếu tố 2):** Thành công trong thực tế thường đến từ sự kết hợp giữa nỗ lực cá nhân và sự hỗ trợ từ bên ngoài như các mối quan hệ xã hội hoặc sự cố vấn (**mentorship**).
- ▶ **Câu 4 (Ví dụ 2):** Ví dụ như Brian Chesky - người sáng lập Airbnb, không chỉ tập trung phát triển những ý tưởng đột phá của mình mà còn hưởng lợi từ việc gia nhập Y Combinator

Có thể bạn chưa biết: Y Combinator là một chương trình ươm mầm khởi nghiệp nổi tiếng tại Thung lũng Silicon. Họ cung cấp vốn đầu tư ban đầu, tư vấn và hỗ trợ phát triển cho các công ty khởi nghiệp công nghệ triển vọng. Công ty đã giúp phát triển nhiều doanh nghiệp thành công như Airbnb, Dropbox, Reddit và Stripe.

- ▶ **Câu 5 (Tác động 2):** Cơ hội này đã cung cấp cho Airbnb nguồn vốn ban đầu (**initial funding**) và nhận được sự chỉ dẫn từ những mối quan hệ quan trọng với các nhà sáng lập thành công như Jeff Bezos của Amazon.

3 PARAPHRASING: Vì đề bài này xoay quanh sự chăm chỉ và quyết tâm, nên chúng mình sẽ có vài cách để paraphrase 2 từ này.

- ▶ **hard work (n):** commitment, personal effort
- ▶ **determination (n):** perseverance

4 VOCABULARY:

- ▶ **maintain rigorous training schedules:** duy trì lịch trình luyện tập nghiêm ngặt
- ▶ **privileged circumstances:** hoàn cảnh đặc biệt thuận lợi (về tài chính, giáo dục hoặc xã hội) mà không phải ai cũng có được
- ▶ **external support systems:** sự hỗ trợ từ bên ngoài
- ▶ **social connections:** mối quan hệ xã hội
- ▶ **interplay:** sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các yếu tố



Luyện viết bài này để được YouPass Writing AI chấm chữa miễn phí

[TẠI ĐÂY](#)

Lưu ý: Bạn viết trên laptop hoặc máy tính cá nhân nhé. YouPass Writing AI hiện chưa hỗ trợ viết trên điện thoại.

Join group Zalo giải đáp học thuật về IELTS của team IELTS 1984 & YouPass



CLICK ĐỂ THAM GIA GROUP ZALO

Some people believe that with hard work and determination, people can gain success in life. To what extent do you agree or disagree?



SAMPLE

viết bởi anh giáo Quách Minh Tân (IELTS 8.5)

Word Count: 313 words

Paraphrasing | Vocabulary

Opinions are divided on whether people can be successful with hard work and determination. While **these qualities** undeniably play a crucial role in achieving one's goals, I believe that they are not sufficient conditions for success.

Granted, **commitment and perseverance** are certainly fundamental elements on the path to success, because when individuals consistently **put in effort** and maintain their resolve in the face of challenges, they naturally develop valuable skills and expertise in their chosen fields. For instance, extended periods of **intensive training** enable Olympic athletes to perfect their technical skills, such as fine-tuning their body awareness and timing, allowing them to **execute complex maneuvers** with a high level of consistency. Those who fail to **maintain rigorous training schedules** often find themselves unable to match their competitors' speed, strength, or technical precision, resulting in **poor performance** in competitions.

However, success in modern society depends on multiple factors beyond **individual effort**. One of them is **socioeconomic status**, which can significantly impact one's opportunities and potential for success. For example, a talented student from a **disadvantaged background**, despite working diligently, might struggle to access the same educational and career opportunities as peers from more **privileged backgrounds**. Furthermore, real-world success often results from a combination of personal effort and external support systems such as **social connections** or mentorship. For example, many successful tech entrepreneurs like Brian Chesky of Airbnb not only worked tirelessly on their innovations but also benefited from being accepted into Y Combinator - an American company that provides funding and **intensive training programs** to help founders develop their startups. This opportunity provided Airbnb with **initial funding** and crucial connections with successful founders like Amazon's Jeff Bezos for guidance.

In conclusion, while hard work and determination are vital components of success, they are not the only factors that determine life outcomes as success is **a complex interplay** of personal effort, external circumstances, and support systems.



Quay về Mục Lục

HUMANS

of IELTS INSIGHTS

Xin chào, bạn đọc thương mến!

Chúng mình là đội ngũ học thuật của IELTS 1984 (gọi thân thương là Tám Bốn). Đầu tiên, chúng mình cảm ơn bạn vì đã dành ra ít phút đọc bài viết này, mong rằng bạn đã có thể bỏ túi được nhiều bài học hữu ích.

Là một đội ngũ yêu tha thiết việc dạy học và giúp học viên giỏi lên, chúng mình rất trăn trở khi thấy các bạn tự học IELTS hoang mang và bị “lạc” bởi vô số bài mẫu trên thị trường. Đó là động lực lớn nhất để IELTS 1984 thực hiện tạp chí giải đề thi IELTS chi tiết hàng tháng và hoàn toàn miễn phí để nhiều bạn có thể tiếp cận với tài liệu chất lượng hơn



Đội ngũ sản xuất



Đội ngũ sản xuất của chúng mình gồm có: team học thuật trên 80% giáo viên IELTS 8.5 - 9.0, bạn Tim - cố vấn học thuật người Mỹ và thầy Tony Grace - cựu giám khảo IDP.

Nếu bạn quan tâm, hãy đón đọc tạp chí sớm nhất và đăng ký nhận tại <https://ielts1984.vn/ielts-insights>



Bài chấm của **ex-examiner**



OVERALL BAND SCORE 8.5 9+9+8+9

[SEE BELOW C&C LR GRA](#)

[MODEL ANSWER](#)

WRITING TASK 1

The table below gives information on the salaries of secondary teachers in five countries in 2009. Summarize the information by selecting and reporting the main points and make comparisons where relevant.

The table below gives information on the salaries of secondary teachers in five countries in 2009

Country	Salary per year (US \$)			Years taken to Reach Top Salary
	Starting	After 15 Years	Maximum	
Australia	34,600	48,000	48,000	9
Denmark	47,000	54,000	54,000	8
Luxembourg	80,000	112,000	139,000	30
Korea	30,500	52,600	84,500	37
Japan	28,000	49,000	62,400	34

**Your answer**

The table compares the annual compensation of secondary teachers in five countries in 2009, along with information about how many years it took for them to secure the highest rates.

Overall, teachers in all countries received higher salaries after 15 years, and those in Luxembourg consistently earned the most by far. In addition, Danish teachers reached the top salary the quickest, while their Korean counterparts took the longest to do so.

In Denmark, teachers were paid a total of \$47,000 in their first year, moderately higher than their Australian counterparts' \$34,000. Notably, it took less than a decade for teachers to receive the maximum levels of \$54,000 in the former country and \$48,000 in the latter one.

Regarding the remaining countries, Luxembourg offered the highest initial salary for teachers, at \$80,000, while their Korean and Japanese counterparts were paid the least, earning approximately \$30,000. After 15 years of teaching, the salary of teachers in Luxembourg rose to \$112,000, requiring an additional 15 years to reach the peak earnings of \$139,000. Meanwhile, with 15 years of experience, Korean and Japanese teachers' pay nearly doubled, reaching the level of about \$50,000, and they needed around 35 years in total to receive peak salaries of \$84,500 and \$62,400, respectively.



OVERALL BAND SCORE 9.5 9+9+8+9

TA – Task Achievement nb – GRA and LR errors have not been corrected

Band score 9

The overview is clear.

You have summarised the information accurately.

fully satisfies all the requirements of the task

Band score 9 TA

clearly presents a fully developed response

Band score 9 TA

RECOMMENDED LAYOUT FOR TASK 1 ANSWERS

- Write an introduction paraphrasing the information provided. If possible, change the structure from a noun phrase to a noun clause (change *the chart gives information about the number of* to *the chart shows how many [...]*).
- Write a clear overview of the main trends, differences, and stages. If there are trends and differences (ie if there are changes over time), give some information about both. If there are only differences, as in questions with no time scale, provide differences of more than one type.
- Put the overview after the introduction in a separate paragraph. Don't hide it in the introduction or at the end, as it's the first thing the examiner looks for.
- Separate your paragraphs with blank lines. It looks better and there can be no doubt that it is a new paragraph.
- Write one or more paragraphs about the information itself and organise it logically. Use signposting phrases to show your organisation to the examiner. Eg *Looking first at the most popular reasons, [...]*



- It's not necessary to write a conclusion, because you've already given the information in an overview.

The table compares the annual compensation of secondary teachers in five countries in 2009, along with information about how many years it took for them to secure the highest rates.

Commented [TG1]: Good introduction

Overall, teachers in all countries received higher salaries after 15 years, and those in Luxembourg consistently earned the most by far. In addition, Danish teachers reached the top salary the quickest, while their Korean counterparts took the longest to do so.

Commented [TG2]: Better to say *Danish and Australian*

In Denmark, teachers were paid a total of \$47,000 in their first year, moderately higher than their Australian counterparts' \$34,000. Notably, it took less than a decade for teachers to receive the maximum levels of \$54,000 in the former country and \$48,000 in the latter one.

Commented [TG3]: Clear overview

Regarding the remaining countries, Luxembourg offered the highest initial salary for teachers, at \$80,000, while their Korean and Japanese counterparts were paid the least, earning approximately \$30,000. After 15 years of teaching, the salary of teachers in Luxembourg rose to \$112,000, requiring an additional 15 years to reach the peak earnings of \$139,000. Meanwhile, with 15 years of experience, Korean and Japanese teachers' pay nearly doubled, reaching the level of about \$50,000, and they needed around 35 years in total to receive peak salaries of \$84,500 and \$62,400, respectively.

Commented [TG4]: Information is summarised accurately and clearly



C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected

Band score 9

Excellent cohesion and coherence throughout, with no errors.

The sentences have a natural flow characteristic of high band score answers.

- uses cohesion in such a way that it attracts no attention
- skilfully manages paragraphing

Band score 9 C&C

CORRECT USE OF THE FIGURE

Be careful with the use of the word figure and don't overuse it.

Technically, a figure cannot rise or fall.

This is an extremely useful referencing word, and as such, it can reduce repetition.

It should always be clear what the actual figures represent.

Here are some correct uses. Note the prepositions.

With regard to the university receiving the most applications, the NEU received the highest number from both men and women, **with figures of** 1,200 and 1,100 respectively

Nuclear power and hydro produced less, with respective **figures of** 15 and 5 units

Finally, both Sweden and Denmark saw falls in sales, with respective **figures of** €1 and €0.9 million.

With regard to food and drink, including tobacco products, both the Irish and Turks spent around 30% of their national expenditure on these products, **while that of the figure for Italy** was 15% .

Turkey's **spending** on food stood at around 30%, **while that of Italy** was 15%.

Commented [TG5]: *that of* is incorrect here because it doesn't refer to anything specific

Commented [TG6]: *that of* is correct here because it refers to spending

Commented [TG7R6]:



Turkey's spending on food stood at around 30%, while the figure for Italy was 15%.
As far as leisure and education are concerned, Turkish people spent the most on these services, at just under 5%, which was higher than in people in Sweden and Italy, where the figures were closer to 3%
Meanwhile, both rail and rail accounted for around 40MTA, while the figure for shipping by pipeline was just around 5MTA
With regard to commuting, the average man made 300 journeys, while the figure for women was around 225.
Beef was the most popular meat in 1970, as nearly 220 grams was consumed by the typical person, and after that, this figure consumption declined steadily and ended the period at [...]
Meanwhile, both rail and rail accounted for around 40MTA, while the figure for shipping by pipeline was just around 5MTA
Turning first to students' rating for the quality of teaching, 65 students rated it as good in 2000. This figure The level of satisfaction fell to 63 in 2005, before ending the period higher, at 69.
In 2000, 32 respondents gave it a good rating but this figure fell to only 30 did so in the second survey and a further fall was seen in the last survey, when it stood at 27.
South America made up the largest proportion, with a figure share of just over one-quarter.

Commented [TG8]: also correct

Commented [TG9]: I might be being pedantic, but figures can't change

Commented [TG10]: Figure is not wrong here, but share is better

The table compares the annual compensation of secondary teachers in five countries in 2009, along with information about how many years it took for them to secure the highest rates.

Overall, teachers in all countries received higher salaries after 15 years, and those in Luxembourg consistently earned the most by far. In addition, Danish teachers reached the top salary the quickest, while their Korean counterparts took the longest to do so.

In Denmark, teachers were paid a total of \$47,000 in their first year, moderately higher than their Australian counterparts' \$34,000. Notably, it took less than a decade for teachers to receive the maximum levels of \$54,000 in the former country and \$48,000 in the latter one.

Commented [TG11]: Korean and Japanese counterparts both took far longer.

Commented [TG12]: Better without this



Regarding the remaining countries, Luxembourg offered the highest initial salary for teachers, at \$80,000, while their Korean and Japanese counterparts were paid the least, earning approximately \$30,000. After 15 years of teaching, the salary of teachers in Luxembourg rose to \$112,000, requiring an additional 15 years to reach the peak earnings of \$139,000. Meanwhile, with 15 years of experience, Korean and Japanese teachers' pay nearly doubled, reaching the level of about \$50,000, and they needed around 35 years in total to receive peak salaries of \$84,500 and \$62,400, respectively.

Commented [TG13]: Good

**LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected.****Band score 8**

Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, and with only minor inaccuracies, which is good for a band score 8

- uses a wide range of vocabulary fluently and flexibly to convey precise meanings

Band score 8 LR

- skilfully uses uncommon lexical items but there may be occasional inaccuracies in word choice and collocation

Band score 8 LR

- produces rare errors in spelling and/or word formation

Band score 8 LR

The table compares the annual compensation of secondary school teachers in five countries in 2009, along with information about how many years it took for them to secure the highest rates.

Overall, teachers in all countries shown received higher salaries after 15 years, and those in Luxembourg consistently earned the most by far. In addition, Danish teachers reached the top salary the quickest, while their Korean counterparts took the longest to do so.

In Denmark, teachers were paid a total of \$47,000 in their first year, moderately significantly higher than their Australian counterparts' \$34,000. Notably, it took less than a decade for teachers to receive the maximum levels of \$54,000 in the former country and \$48,000 in the latter one.

Regarding the remaining countries, Luxembourg offered the highest initial salary salaries for teachers, at \$80,000, while their Korean and Japanese counterparts were paid the least, earning approximately \$30,000. After 15 years of teaching, the salary salaries of teachers in Luxembourg rose to \$112,000, requiring an additional 15 years to reach the peak earnings of \$139,000. Meanwhile, with 15 years of experience, Korean and Japanese teachers' pay nearly doubled, reaching the level of

Commented [TG14]: better with this

Commented [TG15]: Unnatural collocation

Commented [TG16]: Better to say reach



about \$50,000, and they needed around 35 years in total to receive peak salaries of \$84,500 and \$62,400, respectively.

Commented [TG17]: Or they had to work



GRA - Grammatical range and accuracy **nb Some LR errors have not been corrected**

Band score 9

Grammar is used accurately with a wide variety of structures, which should be good for a band score 9.

Punctuation is used correctly throughout.

Appropriate structures are used throughout.

Errors are rare and occur as minor slips.

- uses a wide range of structures with full flexibility and accuracy; rare minor errors occur only as 'slips'

Band score 9 GRA

The table compares the annual compensation of secondary teachers in five countries in 2009, along with information about how many years it took for them to secure the highest rates.

Overall, teachers in all countries received higher salaries after 15 years, and those in Luxembourg consistently earned the most by far. In addition, Danish teachers reached the top salary the quickest, while their Korean counterparts took the longest to do so.

In Denmark, teachers were paid a total of \$47,000 in their first year, moderately higher than their Australian counterparts' \$34,000. Notably, it took less than a decade for teachers to receive the maximum levels of \$54,000 in the former country and \$48,000 in the latter one.

Commented [TG18]: Better: *years' work as a teacher*



Regarding the remaining countries, Luxembourg offered the highest initial salary for teachers, at \$80,000, while their Korean and Japanese counterparts were paid the least, earning approximately \$30,000. After 15 years of teaching, the salary of teachers in Luxembourg rose to \$112,000, requiring an additional 15 years to reach the peak earnings of \$139,000. Meanwhile, with 15 years of experience, Korean and Japanese teachers' pay nearly doubled, reaching the level of about \$50,000, and they needed around 35 years in total to receive peak salaries of \$84,500 and \$62,400, respectively.



Model Answer

None available for this question



OVERALL BAND SCORE **8.5** **7+9+9+9**

[SEE BELOW C&C LR GRA](#) [MODEL ANSWER](#)

WRITING TASK 2

Write about the following topic:

Some people believe that with hard work and determination, people can gain success in life.

To what extent do you agree or disagree?

Give reasons for your answer and include any relevant examples from your own knowledge or experience.

Write at least 250 words.

**Original answer -**

Opinions are divided on whether determination and hard work are the only factors of success in life. While these qualities undeniably play a crucial role in achieving one's goals, I believe that they are not sufficient conditions for success.

Granted, commitment and perseverance are certainly fundamental elements in the path to success, because when individuals consistently put in effort and maintain their resolve in the face of challenges, they naturally develop valuable skills and expertise in their chosen fields. For instance, extended periods of intensive training enable Olympic athletes to perfect their technical skills, such as fine-tuning their body awareness and timing, allowing them to execute complex maneuvers with remarkable consistency. Those who fail to maintain rigorous training schedules often find themselves unable to match their competitors' speed, strength, or technical precision, resulting in poor performance in competitions.

However, success in modern society depends on multiple factors beyond individual effort. One of them is socioeconomic status, which can significantly impact one's opportunities and potential for success. For example, a talented student from a disadvantaged background, despite working diligently, might struggle to access the same educational and career opportunities as peers from more privileged circumstances. Furthermore, real-world success often results from a combination of personal effort and external support systems such as social connections or mentorship. For example, many successful tech entrepreneurs like Brian Chesky of Airbnb not only worked tirelessly on their innovations but also benefited from being accepted into Y Combinator - an American company that provides funding and intensive programs to help founders develop their startups. This opportunity provided Airbnb with initial funding and crucial connections with successful founders like Amazon's Jeff Bezos for guidance.

In conclusion, while hard work and determination are vital components of success, they are not the only factors that determine life outcomes as success is a complex interplay of personal effort, external circumstances, and support systems.

**OVERALL BAND SCORE 8.5 7+9+9+9****TR – Task Response nb – GRA and LR errors have not been corrected****Band score 8**

Main body 2 doesn't prove that the proposition is false – it just shows that sometimes, other factors come into play. You could also mention innate skill, intelligence, looks, integrity, not to mention luck.

For me, the proposition is obviously true. To take an obvious example, Ronaldo was born poor and achieved success purely from hard work and determination, while Messi also had a natural genius, to which he added his work ethic.

Nevertheless, it's good enough for a band score 8.

You have a clear position throughout, and all parts of the question are addressed.

Your position is coherent and well-argued.

The ideas are relevant, extended and there are no contradictions.

- sufficiently addresses all parts of the task
- presents a well-developed response to the question with relevant, extended and supported ideas

Band score 8 TR**ADVICE ON BRAINSTORMING FOR TASK 2**

As you're planning and writing your answer, remember to constantly ask yourself if you're answering the question. Check back to the question a few times as you think of ideas to make sure they're directly relevant.

- Make sure your introduction directly addresses the question.
- Make sure your ideas address all parts of the question. If the



question asks for **solutions**, in the plural, **you must suggest at least 2**.

- Make sure your main ideas, as stated in the first sentence of the main body paragraphs, are **directly relevant to the question**.
- Make sure your supporting ideas, which follow the main ideas in the main body paragraphs, **directly support the main idea**.
- Be especially careful if you've answered similar question before, as there will always be important differences.
- Make sure your conclusion **directly answers the question**, that it is consistent with the ideas in the main bodies, and that it does not contradict the introduction.

Opinions are divided on whether determination and hard work are the **only** factors of **success** in life. While these qualities undeniably play a crucial role in achieving one's goals, I believe that they are not sufficient conditions for success.

Granted, commitment and perseverance are certainly fundamental elements in the path to success, because when individuals consistently put in effort and maintain their resolve in the face of challenges, they naturally develop valuable skills and expertise in their chosen fields. For instance, extended periods of intensive training enable Olympic athletes to perfect their technical skills, such as fine-tuning their body awareness and timing, allowing them to execute complex maneuvers with remarkable consistency. Those who fail to maintain rigorous training schedules often find themselves unable to match their competitors' speed, strength, or technical precision, resulting in poor performance in competitions.

However, success in modern society depends on multiple factors beyond individual effort. One of them is socioeconomic status, which can significantly impact one's opportunities and potential for success. For example, a talented student from a disadvantaged background, despite

Commented [TG1]: The question doesn't say this. It's about whether people can be successful with hard work and determination. It doesn't ask if they're the only factors; obviously they're not. See C&C

Commented [TG2]: Ok introduction, but be careful not to mischaracterize the question.

Commented [TG3]: Good main idea

Commented [TG4]: Relevant supporting ideas

Commented [TG5]: Good main idea



working diligently, might struggle to access the same educational and career opportunities as peers from more privileged circumstances. Furthermore, real-world success often results from a combination of personal effort and external support systems such as social connections or mentorship. For example, many successful tech entrepreneurs like Brian Chesky of Airbnb not only worked tirelessly on their innovations but also benefited from being accepted into Y Combinator - an American company that provides funding and intensive programs to help founders develop their startups. This opportunity provided Airbnb with initial funding and crucial connections with successful founders like Amazon's Jeff Bezos for guidance.

In conclusion, while hard work and determination are vital components of success, they are not the only factors that determine life outcomes as success is a complex interplay of personal effort, external circumstances, and support systems.

Commented [TG6]: Relevant supporting ideas, but just because some people need help from other areas doesn't prove that others can't succeed with hard work and determination alone.

Commented [TG7]: Good conclusion, consistent with the main ideas

Commented [TG8]: Good conclusion, consistent with the main ideas, but you didn't prove that hard work and determination alone can result in success.



C&C - Cohesion and Coherence nb GRA and LR errors have not been corrected

Band score 9

Excellent cohesion and coherence throughout, with no errors.

The sentences have a natural flow characteristic of high band score answers.

- uses cohesion in such a way that it attracts no attention
- skilfully manages paragraphing

Band score 9 C&C

PARAGRAPHING FOR TASK 2

I recommend you write 4 paragraphs as follows:

- Write an introduction, that explains **what the question is**. After reading the introduction, the reader should have a good idea what the essay is about, and **what your position (opinion) is**. It should be possible to write an introduction in under 50 words. It is not necessary to write a long background statement.
- Write 2 main body paragraphs. This should allow you to expand on the ideas sufficiently to persuade the examiner that you've fully supported the main ideas. If you write 3 main bodies, it is more difficult to expand and support them sufficiently to get a high score.
- If it's a two-part question, answer the questions in the order they're given and **write one paragraph per question**.
- **The main body paragraphs should be 100-120 words**, and each paragraph should have a **clear topic sentence** and 2 or more supporting ideas which support the topic sentence with **reasons**,



evidence, and examples. Do not waste time with lots of background information.

- The topic sentences should **directly address** the question.
- The conclusion should be consistent with the introduction and the main ideas, and it should not introduce new ideas. **It should directly answer the question. Do not leave the examiner in any doubt about whether you've answered the question.**
- If you write a third paragraph in a *discuss both sides* question to clarify your position, make sure that give a good reason to reject one of the sides. If you just restated the original ideas about one side, the examiner may decide you have covered one side more than the other.
- It is also ok to write a third body paragraph in a *to what extent* question if you have main ideas which both agree and disagree with the proposition. Avoid short paragraphs, with under 70 words, as it may be difficult to show a *clear central topic* in a short paragraph.

Opinions are divided on whether **determination and hard work are the only factors of success in life**. While these qualities undeniably play a crucial role in achieving one's goals, I believe that they are not sufficient conditions for success.

Granted, commitment and perseverance are certainly fundamental elements in the path to success, because when individuals consistently put in effort and maintain their resolve in the face of challenges, they naturally develop valuable skills and expertise in their chosen fields. For instance, extended periods of intensive training enable Olympic athletes to perfect their technical skills, such as fine-tuning their body awareness and timing, allowing them to execute complex maneuvers with remarkable consistency. Those who fail to maintain rigorous training schedules often find themselves unable to match their competitors'

Commented [TG9]: Better to say *people can be successful with hard work and determination.*

Commented [TG10]: Good topic sentence



speed, strength, or technical precision, resulting in poor performance in competitions.

Commented [TG11]: Good

However, success in modern society depends on multiple factors beyond individual effort. One of them is socioeconomic status, which can significantly impact one's opportunities and potential for success. For example, a talented student from a disadvantaged background, despite working diligently, might struggle to access the same educational and career opportunities as peers from more privileged circumstances. Furthermore, real-world success often results from a combination of personal effort and external support systems such as social connections or mentorship. For example, many successful tech entrepreneurs like Brian Chesky of Airbnb not only worked tirelessly on their innovations but also benefited from being accepted into Y Combinator - an American company that provides funding and intensive programs to help founders develop their startups. This opportunity provided Airbnb with initial funding and crucial connections with successful founders like Amazon's Jeff Bezos for guidance.

Commented [TG12]: Good topic sentence

In conclusion, while hard work and determination are vital components of success, they are not the only factors that determine life outcomes as success is a complex interplay of personal effort, external circumstances, and support systems.

Commented [TG13]: Good

**LR- - Lexical resource nb Some GRA errors have not been corrected****Band score 8**

It is between an 8 and a 9 for LR

Vocabulary is used accurately with sufficient flexibility to show precise meaning, and with only minor inaccuracies, which is good for a band score 8

- uses a wide range of vocabulary fluently and flexibly to convey precise meanings

Band score 8 LR

- skilfully uses uncommon lexical items but there may be occasional inaccuracies in word choice and collocation

Band score 8 LR

- produces rare errors in spelling and/or word formation

Band score 8 LR

Opinions are divided on whether determination and hard work are the only factors ~~of determining~~ success in life. While these qualities undeniably play a crucial role in achieving one's goals, I believe that they are not sufficient conditions for success.

Granted, commitment and perseverance are certainly fundamental elements in the path to success, because when individuals consistently put in effort and maintain their resolve in the face of challenges, they naturally develop valuable skills and expertise in their chosen fields. For instance, extended periods of intensive training enable Olympic athletes to perfect their technical skills, such as fine-tuning their body awareness

Commented [TG14]: Or on



and timing, allowing them to execute complex maneuvers with remarkable consistency. Those who fail to maintain rigorous training schedules often find themselves unable to match their competitors' speed, strength, or technical precision, resulting in poor performance in competitions.

Commented [TG15]: Better: *a high level of*

However, success in modern society depends on multiple factors beyond individual effort. One of them is socioeconomic status, which can significantly impact one's opportunities and potential for success. For example, a talented student from a disadvantaged background, despite working diligently, might struggle to access the same educational and career opportunities as peers from more privileged backgrounds. ~~circumstances~~ Furthermore, real-world success often results from a combination of personal effort and external support systems such as social connections or mentorship. For example, many successful tech entrepreneurs like Brian Chesky of Airbnb not only worked tirelessly on their innovations but also benefited from being accepted into Y Combinator - an American company that provides funding and intensive programs to help founders develop their startups. This opportunity provided Airbnb with initial funding and crucial connections with successful founders like Amazon's Jeff Bezos for guidance.

In conclusion, while hard work and determination are vital components of success, they are not the only factors that determine life outcomes as success is a complex interplay of personal effort, external circumstances, and support systems.



GRA – Grammatical range and accuracy **nb Some LR errors have not been corrected**

Band score 9

Grammar is used accurately with a wide variety of structures, which should be good for a band score 9.

Punctuation is used correctly throughout.

Appropriate structures are used throughout.

- uses a wide range of structures with full flexibility and accuracy; rare minor errors occur only as 'slips'

Band score 9 GRA

Opinions are divided on whether determination and hard work are the only factors of success in life. While these qualities undeniably play a crucial role in achieving one's goals, I believe that they are not sufficient conditions for success.

Granted, commitment and perseverance are certainly fundamental elements in the path to success, because when individuals consistently put in effort and maintain their resolve in the face of challenges, they naturally develop valuable skills and expertise in their chosen fields. For instance, extended periods of intensive training enable Olympic athletes to perfect their technical skills, such as fine-tuning their body awareness and timing, allowing them to execute complex maneuvers with remarkable consistency. Those who fail to maintain rigorous training schedules often find themselves unable to match their competitors' speed, strength, or technical precision, resulting in poor performance in competitions.

However, success in modern society depends on multiple factors beyond individual effort. One of them is socioeconomic status, which can



significantly impact one's opportunities and potential for success. For example, a talented student from a disadvantaged background, despite working diligently, might struggle to access the same educational and career opportunities as peers from more privileged circumstances. Furthermore, real-world success often results from a combination of personal effort and external support systems such as social connections or mentorship. For example, many successful tech entrepreneurs like Brian Chesky of Airbnb not only worked tirelessly on their innovations but also benefited from being accepted into Y Combinator - an American company that provides funding and intensive programs to help founders develop their startups. This opportunity provided Airbnb with initial funding and crucial connections with successful founders like Amazon's Jeff Bezos for guidance.

In conclusion, while hard work and determination are vital components of success, they are not the only factors that determine life outcomes as success is a complex interplay of personal effort, external circumstances, and support systems.



Model answer –

None available this question





Đọc thêm các số tạp chí
IELTS Insights khác tại đây:

